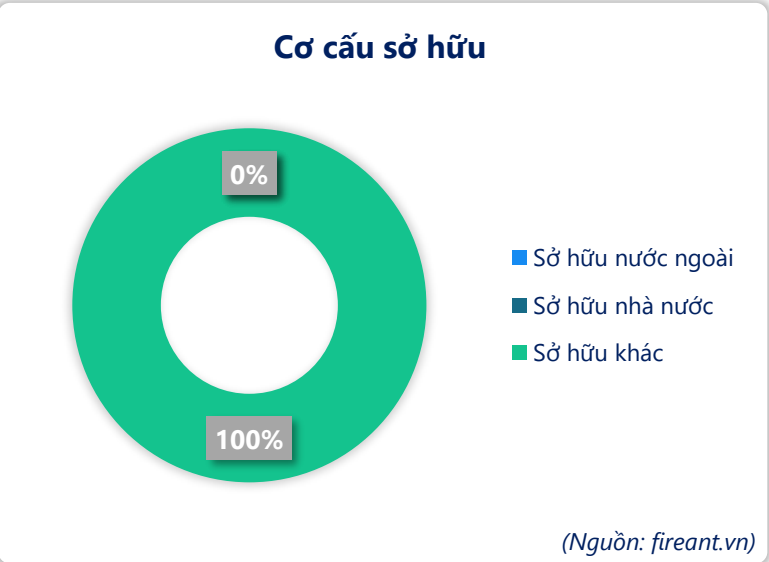
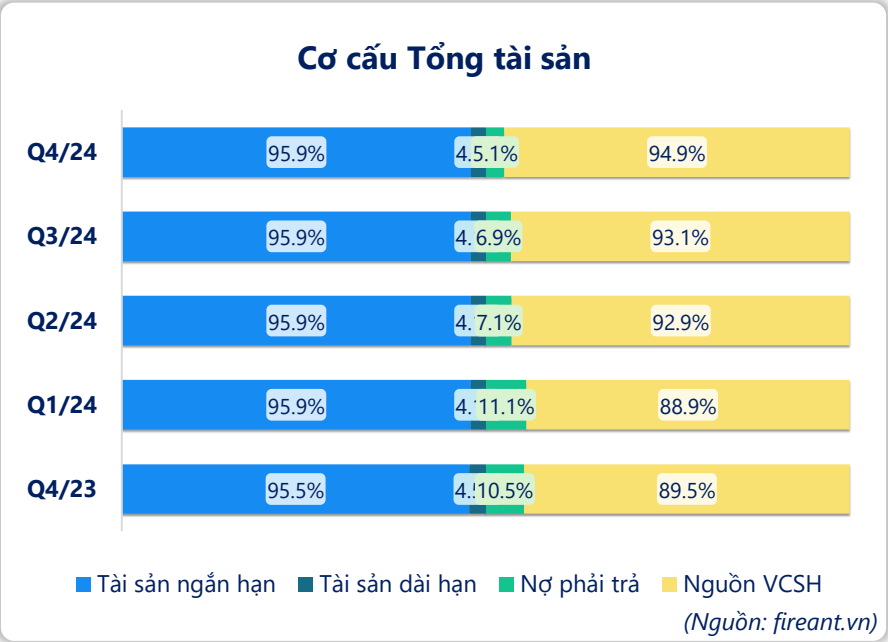
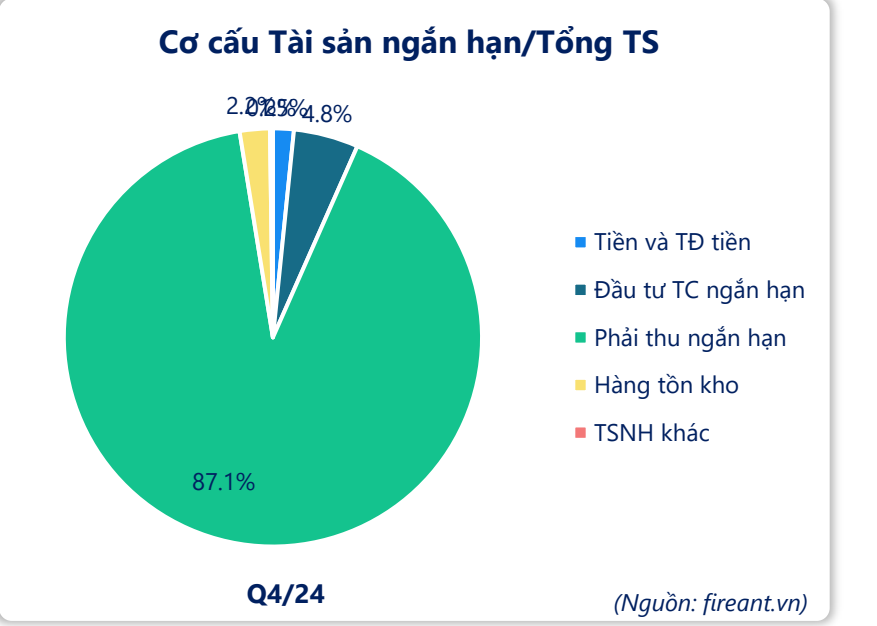
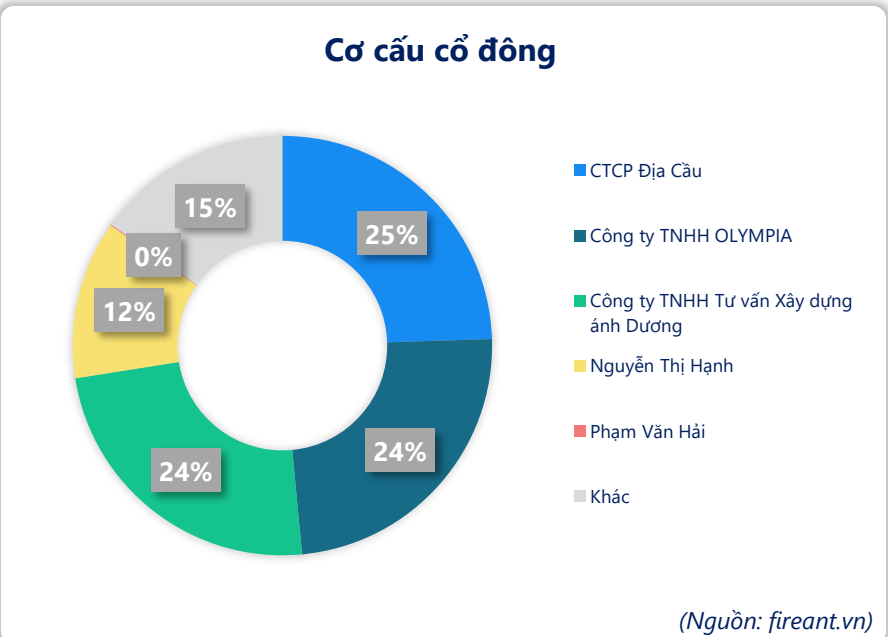
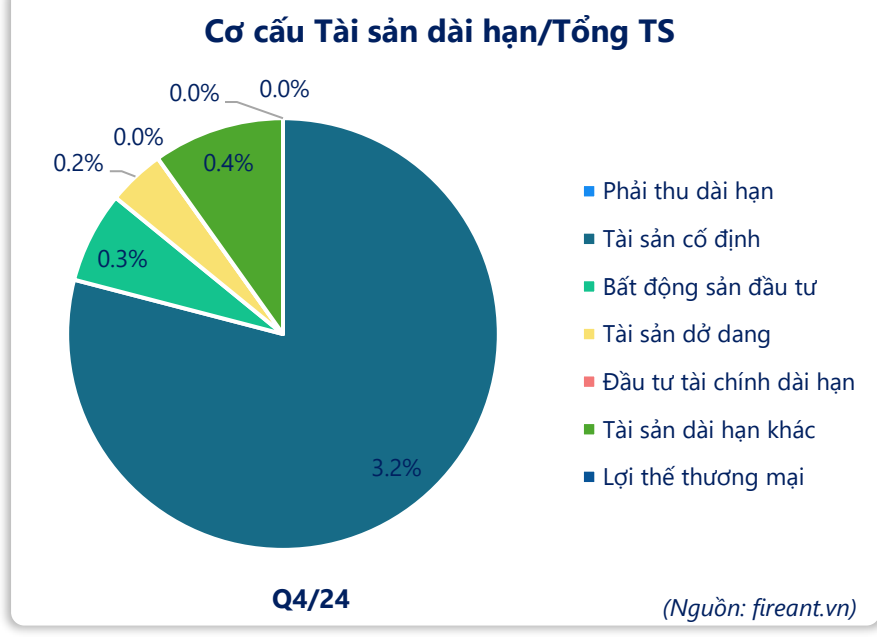
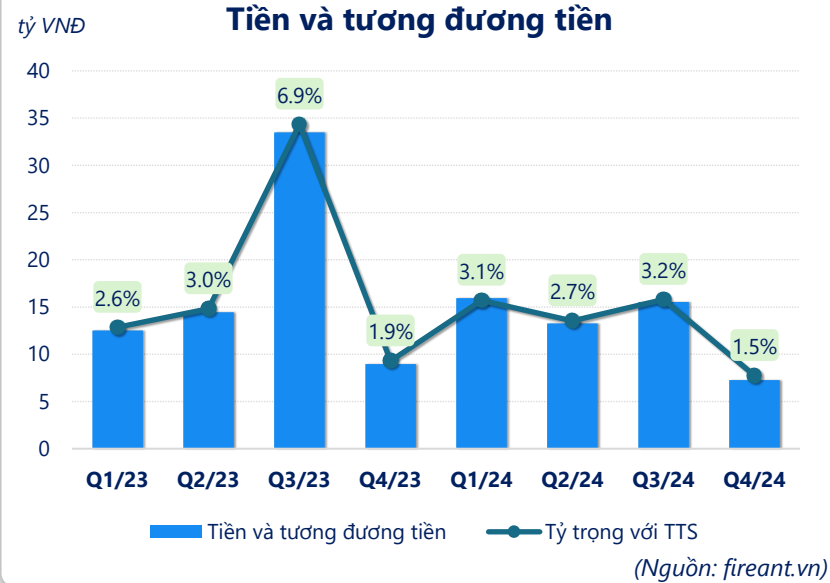
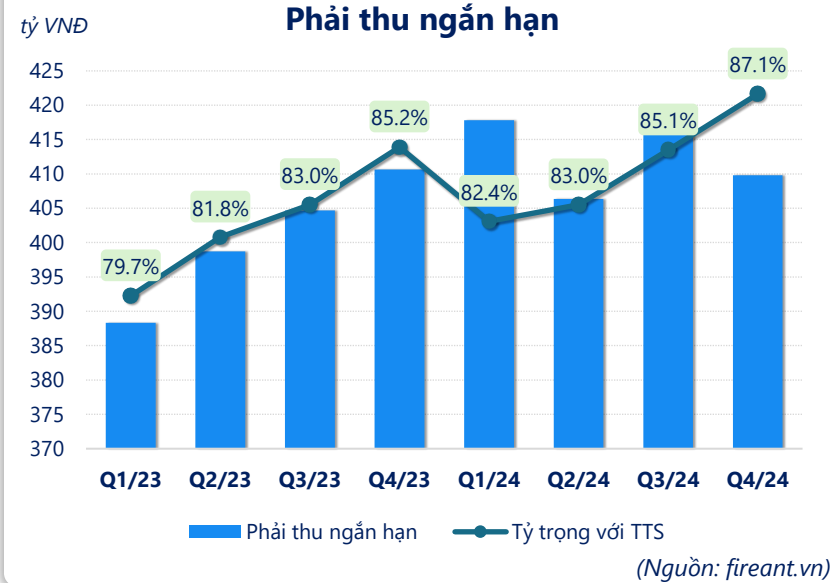
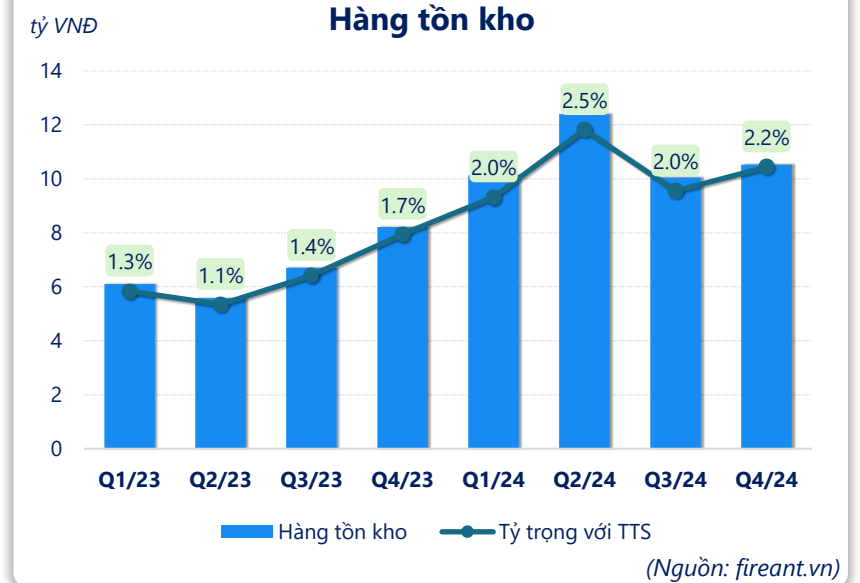
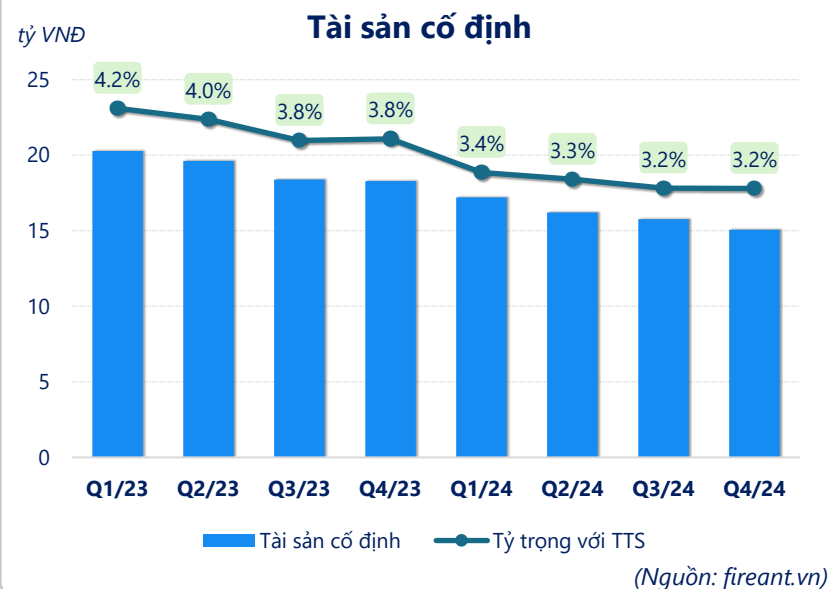
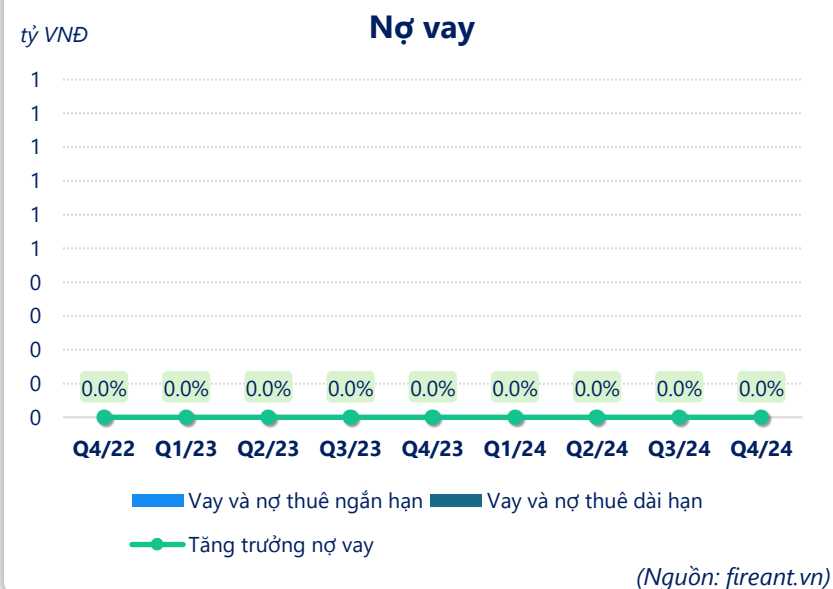
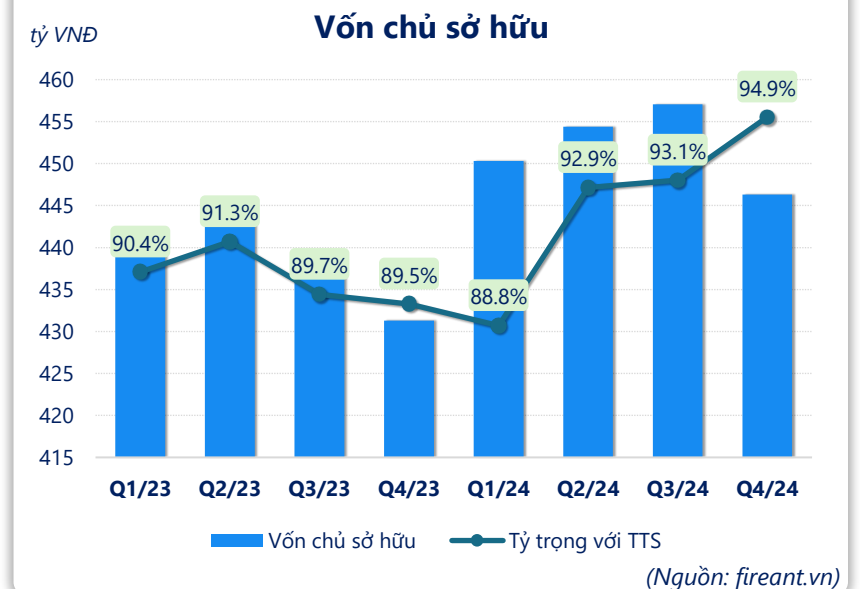
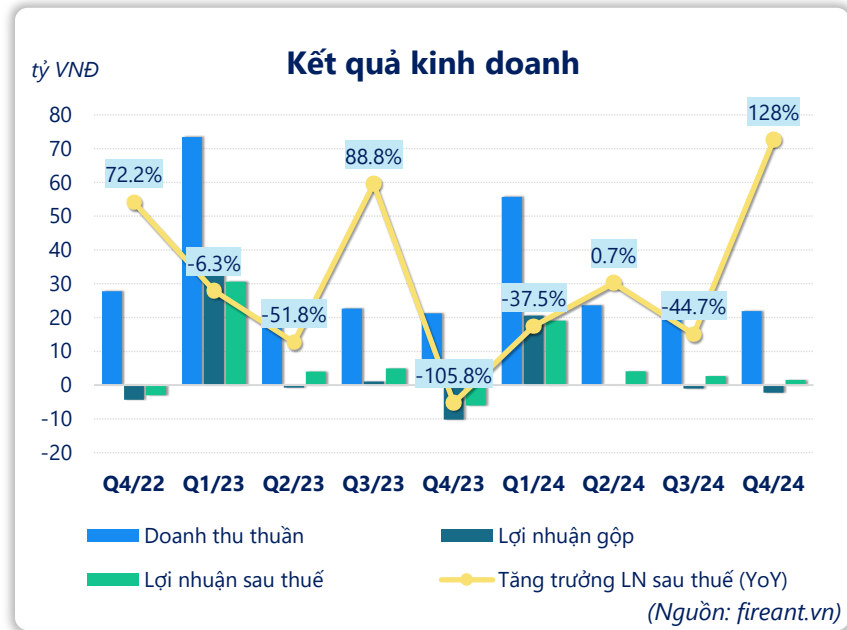
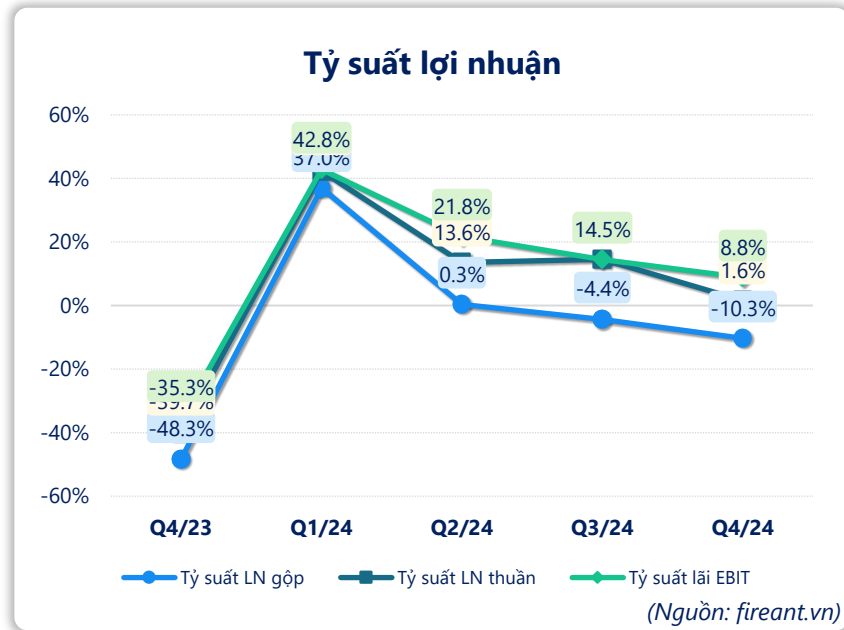
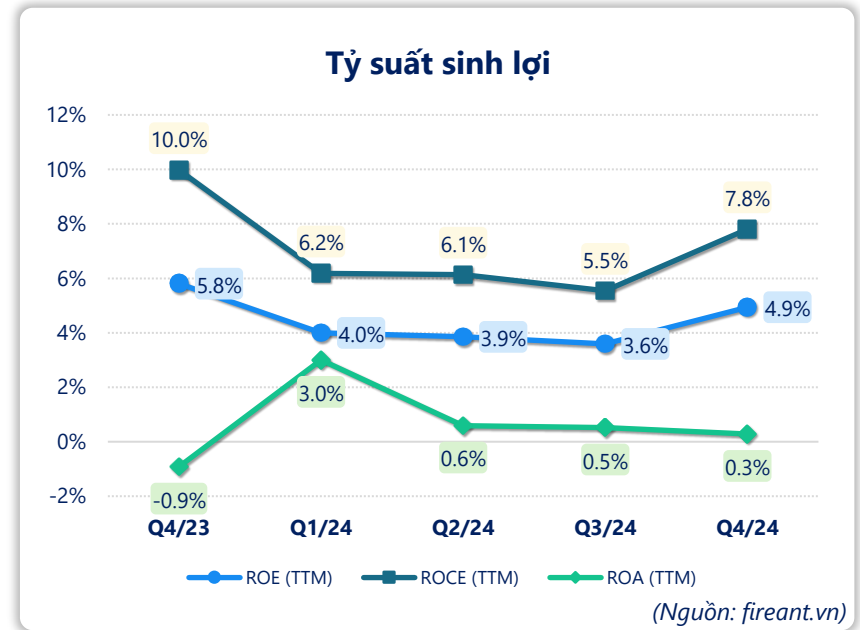
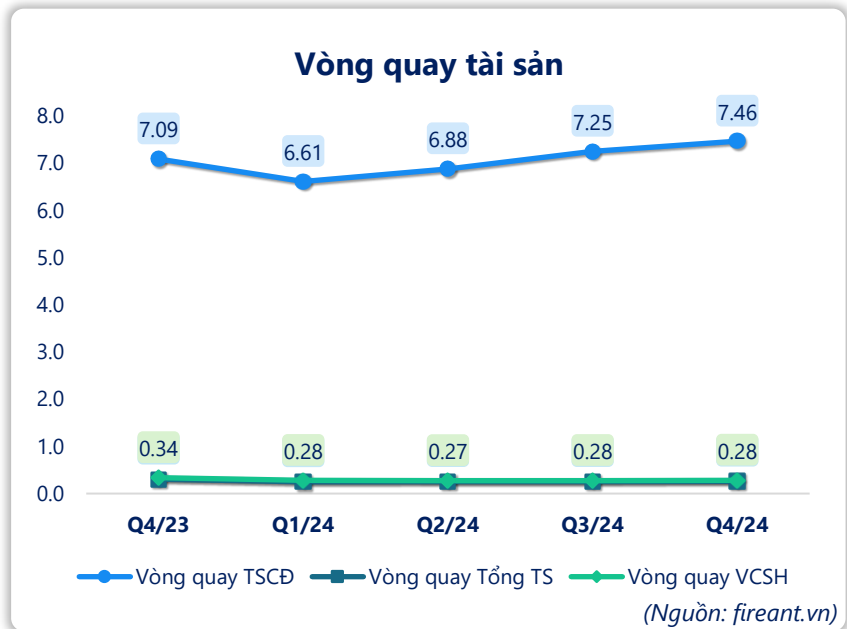
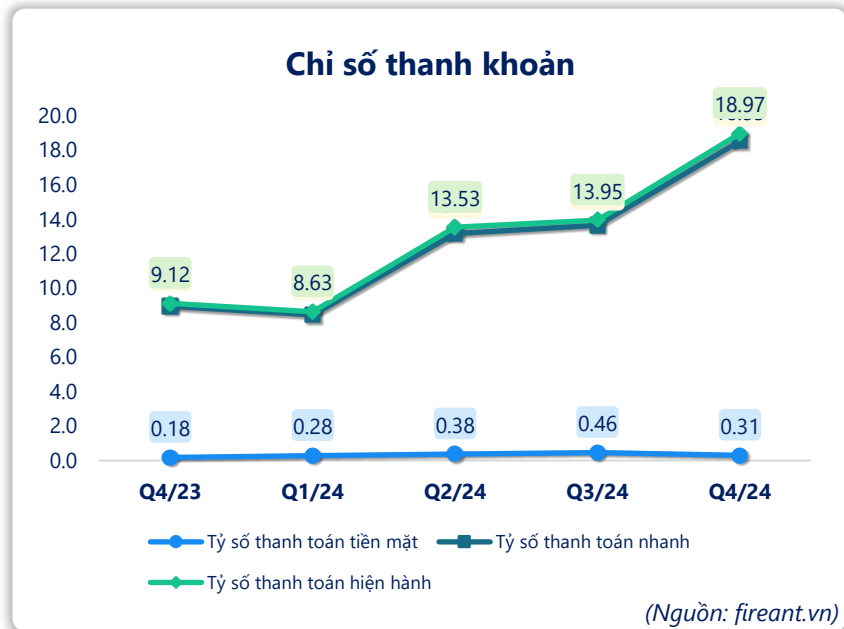
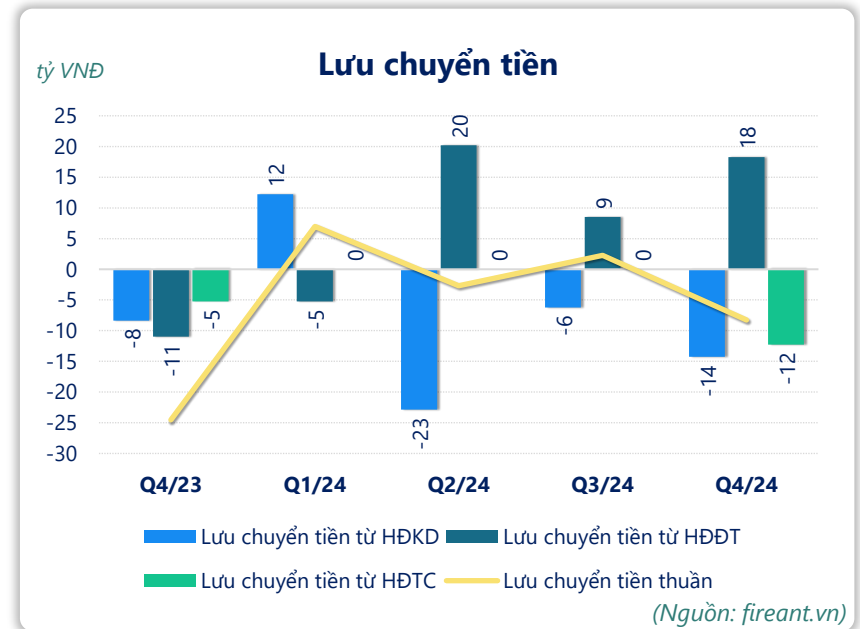


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		32,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		34,827
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		28,126
SL cổ phiếu LH		4,570,210
KLGD BQ 20 phiên (CP)		70
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		146
P/E		6.7
EPS		4,742

	YTD	1T	3T	6T
TTT		3.2%	-0.3%	2.1%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	470	482	-2.5%
Tài sản ngắn hạn	451	461	-2.0%
Tiền và tương đương tiền	7.28	8.96	-18.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.6	31.9	-29.1%
Phải thu ngắn hạn	410	411	-0.2%
Hàng tồn kho	10.5	8.21	28.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.02	0.97	5.0%
Tài sản dài hạn	19.1	21.7	-12.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	15.1	18.3	-17.6%
Bất động sản đầu tư	1.30	1.59	-17.9%
Tài sản dở dang	0.81	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.88	1.78	5.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	23.8	50.8	-53.2%
Nợ ngắn hạn	23.8	50.7	-53.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	10.3	30.0	-65.7%
Nợ dài hạn	0	0.10	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	446	431	3.5%
Vốn chủ sở hữu	446	431	3.5%
Vốn điều lệ	45.7	45.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.15	0.20	-24.6%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	21.3	55.7	23.6	23.2	21.9
Giá vốn hàng bán	31.5	35.1	23.5	24.3	24.2
Lợi nhuận gộp	-10.3	20.6	0.08	-1.01	-2.27
Doanh thu HĐTC	6.71	6.60	6.58	6.61	6.50
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.61	1.39	0.49	0.24	0.40
Chi phí QLDN	3.26	2.24	2.96	1.98	3.48
LN thuần từ HĐKD	-8.44	23.6	3.19	3.38	0.35
Lợi nhuận khác	0.92	0.27	1.93	-0.02	1.59
LN trước thuế	-7.52	23.8	5.13	3.36	1.94
Lợi nhuận sau thuế	-6.04	19.0	4.08	2.67	1.53
LNST của CĐ cty mẹ	-4.27	14.9	2.89	2.53	1.34

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-8.35	12.2	-22.9	-6.25	-14.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.0	-5.23	20.2	8.52	18.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.22	0	0	0	-12.2
Tiền đầu kỳ	33.5	8.96	15.9	13.3	15.5
Lưu chuyển tiền thuần	-24.5	6.97	-2.68	2.27	-8.24
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.96	15.9	13.3	15.5	7.28

(Nguồn: fireant.vn)